

**Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**  
**Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

**Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật**

**1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu**

- Tên dự án: Trang bị thay thế thiết bị Proxy cho người dùng Công ty mẹ.
- Tên gói thầu: Trang bị thay thế thiết bị Proxy cho người dùng Công ty mẹ.
- Chủ đầu tư: Tập đoàn Bảo Việt
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 120 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, trong đó:
  - o Thời gian bàn giao hàng hóa: trong vòng 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
  - o Thời gian triển khai: trong vòng 120 ngày (bao gồm thời gian bàn giao hàng hóa) kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi ký Biên bản tổng nghiệm thu bàn giao toàn bộ sản phẩm của dự án.
- Địa điểm thực hiện: Trung tâm dữ liệu của Tập đoàn Bảo Việt - số 11 Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.
- Mục tiêu đầu tư: Trang bị thay thế thiết bị proxy cho người dùng Công ty mẹ nhằm đảm bảo tính an toàn và ổn định trong hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt.
- Quy mô đầu tư:

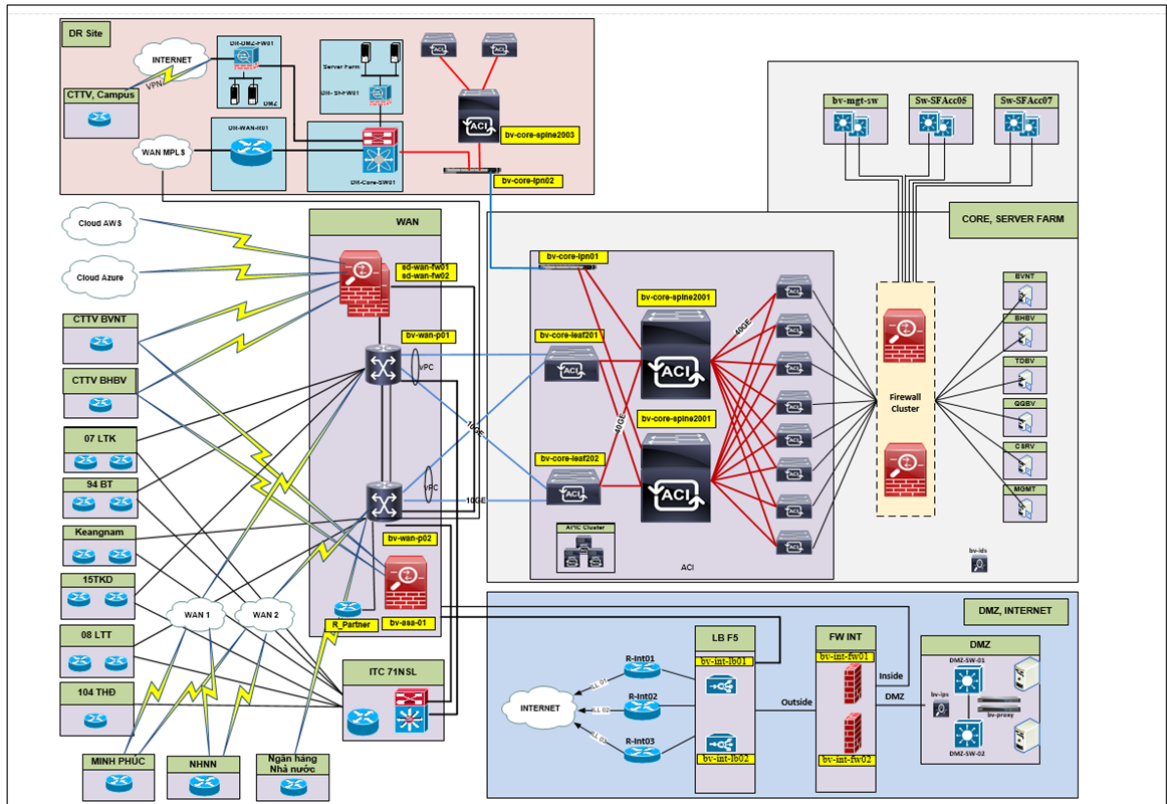
TT	Hạng mục	Số lượng	Đơn vị
<b>I</b>	<b>Thiết bị</b>		
1	Thiết bị proxy chuyên dụng	02	Bộ
2	Bản quyền phần mềm cung cấp các tính năng của thiết bị proxy	02	Gói
<b>II</b>	<b>Dịch vụ liên quan</b>		
1	Dịch vụ triển khai	01	Gói

*Ghi chú: Thiết bị đã bao gồm dịch vụ bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật theo tiêu chuẩn của hãng trong 05 năm.*

## 2. Yêu cầu về kỹ thuật

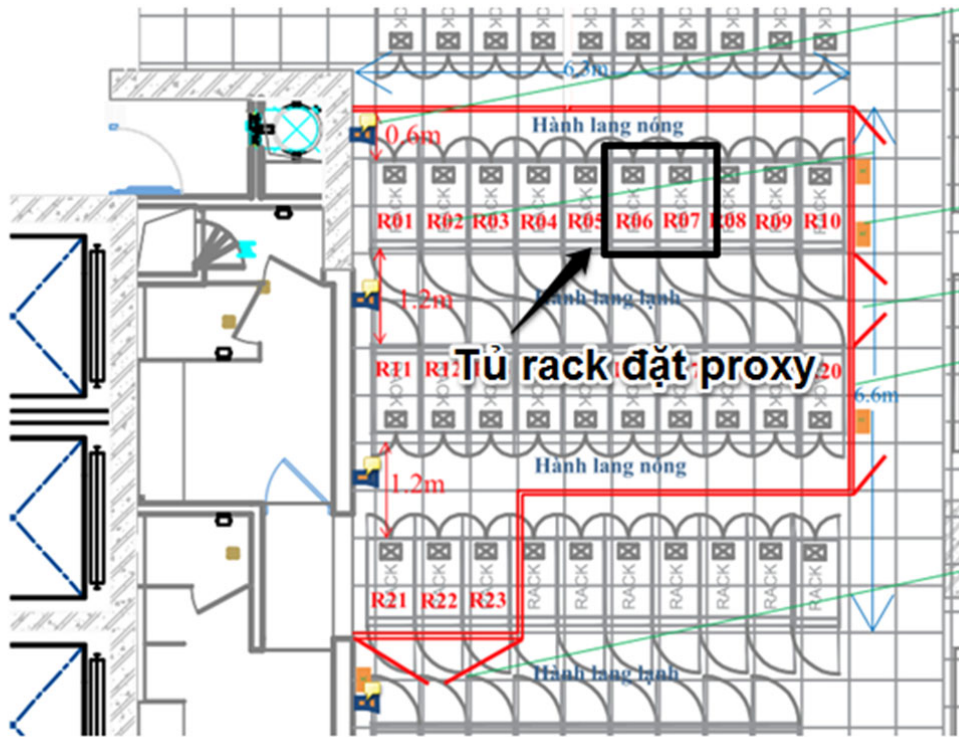
### 2.1. Mô hình triển khai

Sơ đồ hệ thống mạng:



Thiết bị Proxy triển khai tại phân vùng DMZ, Internet.

Mặt bằng triển khai:



Thiết bị Proxy trang bị sẽ được lắp đặt tại phòng máy của TTDL tại vị trí tủ R6, R7.

## 2.2. Yêu cầu về kỹ thuật chung

- Hàng hóa thuộc gói thầu đảm bảo mới 100% chưa qua sử dụng, là sản phẩm chính hãng có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng (CO), có chứng nhận về chất lượng (CQ) của hãng sản xuất (ngoại trừ phụ kiện kèm theo).
- Hàng hóa cung cấp phải đảm bảo đúng chủng loại, số lượng, yêu cầu kỹ thuật.
- Nhà thầu phải cung cấp kèm E-HSDT các tài liệu kỹ thuật (catalogue) của hãng sản xuất để chứng minh tính phù hợp đáp ứng của hàng hóa.
- Sau khi lắp đặt, cấu hình phải đảm bảo hoạt động bình thường và không làm ảnh hưởng đến thiết bị và phần mềm khác trong hệ thống thông tin của Tập đoàn Bảo Việt.
- Nhà thầu phải cam kết cung cấp các giấy tờ sau:
  - + Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) cho các thiết bị nhập khẩu (Bản gốc hoặc bản sao chứng thực hợp pháp).
  - + Giấy chứng nhận chất lượng (CQ) cho các thiết bị và phần mềm (Bản gốc của chính hãng sản xuất hoặc bản sao được đóng dấu treo của nhà phân phối và kèm tài liệu chứng minh là nhà phân phối của hãng sản xuất

(bản gốc hoặc bản sao chứng thực hợp pháp) trong trường hợp Hãng không có đại diện tại Việt Nam).

### 2.3. Yêu cầu về kỹ thuật chi tiết

Hàng hóa do nhà thầu chào phải có cấu hình tương đương hoặc đáp ứng tối thiểu các yêu cầu sau: (Trong E-HSDT, nhà thầu lập bảng so sánh, cung cấp kèm theo tài liệu và có chỉ dẫn tới trang, mục tương ứng: có thể là hồ sơ, giấy tờ, bản vẽ, số liệu được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa để chứng minh):

STT	Đặc tính kỹ thuật		Số lượng	Đơn vị
1	<b>Thiết bị proxy chuyên dụng</b>		02	Bộ
	Loại thiết bị	Thiết bị phần cứng chuyên dụng proxy		
	Bộ nhớ	>= 16 GB		
	Quản trị	HTTP/S, SSH, CLI, SNMP		
	Giao diện kết nối	>= 4x GE RJ45		
	Lưu trữ	>= 4 TB Hard Disk		
	Nguồn cấp	2 Nguồn		
	<b>Hiệu năng thiết bị</b>			
	Số lượng người dùng có thể mở rộng tối đa (thông qua license)	>= 6000		
	<b>Tính năng của thiết bị</b>			
	Hệ thống	Mô hình triển khai: Transparent, Explicit, WCCP		
		Có cơ chế đảm bảo dự phòng (HA) cho hệ thống		
	Tính năng an ninh bảo mật	Cập nhật mỗi đe dọa trong thời gian thực		
		Tích hợp với Cloud sandbox để phát hiện các mối đe dọa nâng cao		
		Có khả năng kết hợp với giải pháp Sandbox on-premise (cùng hãng)		
Phân loại các trang web và hỗ trợ Blacklist và Whitelist				
Application Control				
Antivirus, Botnet, DLP				
SSL Inspection				
	Tính năng Web Filter thiết lập chính sách bảo mật cho phép hoặc ngăn chặn			

		các URL		
		Tính năng bảo mật DNS Filtering/DNS Proxy		
		Hỗ trợ giao thức ICAP		
	Xác thực	Hỗ trợ Radius, SAML, LDAP, Kerberos		
	Cache	Web và video caching		
		Reverse web cache		
	Quản lý và nhật ký hệ thống	Có khả năng báo cáo và ghi nhật ký hệ thống.		
		Có khả năng cài đặt cảnh báo qua email		
	Bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật	Dịch vụ bảo hành phần cứng Next business day Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật 24x7		
2	<b>Bản quyền phần mềm cung cấp các tính năng của thiết bị proxy</b>	Bản quyền phần mềm cung cấp các tính năng của thiết bị proxy cho 500 người dùng (bao gồm dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật 24x7)	02	Gói

#### 2.4. Yêu cầu triển khai

Yêu cầu về phương án thực hiện lắp đặt, đấu nối, cài đặt, cấu hình, ... tối thiểu đáp ứng các yêu cầu sau:

##### a. Nguyên tắc thực hiện

- Việc triển khai lắp đặt, cài đặt và cấu hình phải đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, đáp ứng hiệu năng của hệ thống và tính toàn vẹn dữ liệu.
- Thuận lợi cho việc cấu hình quản trị, nâng cấp mở rộng cho hệ thống trong tương lai.
- Triển khai và sử dụng được đầy đủ các tính năng của hệ thống được trang bị.
- Hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động của các hệ thống/dịch vụ khác.
- Trong quá trình triển khai Nhà thầu phải đảm bảo việc tích hợp không gây ảnh hưởng về an toàn thông tin đối với các hệ thống khác của Bảo Việt.

##### b. Yêu cầu công việc

Để đảm bảo việc triển khai đáp ứng được yêu cầu và các nguyên tắc ở trên, khi thực hiện triển khai dự án cần phải thực hiện các nội dung tối thiểu nhưng không hạn chế như sau:

- Xây dựng và bàn giao tài liệu triển khai với nội dung tối thiểu phải thể hiện được:
  - Cách thức lắp đặt, đấu nối nguồn điện, mạng cho thiết bị.

- Thông tin dán nhãn.
- Cách thức cấu hình cho thiết bị.
- Cách thức tích hợp thiết bị vào hệ thống Bảo Việt.
- Xây dựng và bàn giao tài liệu vận hành hệ thống với nội dung tối thiểu phải thể hiện được:
  - Các thao tác vận hành hệ thống hàng ngày.
  - Các thao tác cấu hình mở rộng hệ thống.
  - Các thao tác tối ưu hoạt động của hệ thống.
  - Các thao tác kiểm tra đảm bảo hệ thống hoạt động bình thường (checklist).
  - Hướng dẫn khắc phục một số lỗi cơ bản.
- Thực hiện triển khai các nội dung công việc theo tài liệu triển khai.
- Thực hiện chuyển đổi hệ thống cũ sang hệ thống mới.
- Xây dựng tài liệu nghiệm thu
- Các yêu cầu khác (nếu có).

### **c) Các tài liệu khác cần bàn giao**

- Nhật ký thi công;
- Biên bản bàn giao hàng hóa tổng thể;
- Kịch bản nghiệm thu vật tư, thiết bị công nghệ thông tin;
- Kết quả nghiệm thu vật tư, thiết bị công nghệ thông tin;
- Biên bản nghiệm thu vật tư, thiết bị công nghệ thông tin;
- Biên bản nghiệm thu lắp đặt thiết bị công nghệ thông tin;
- Kịch bản nghiệm thu vận hành thử thiết bị công nghệ thông tin;
- Kết quả nghiệm thu vận hành thử thiết bị công nghệ thông tin;
- Biên bản nghiệm thu vận hành thử thiết bị công nghệ thông tin;
- Biên bản bàn giao và nghiệm thu tài liệu;
- Biên bản tổng nghiệm thu bàn giao toàn bộ sản phẩm của dự án;
- Tài liệu quản trị, vận hành sản phẩm của dự án.

## **2.5. Yêu cầu về đào tạo hướng dẫn sử dụng`**

### **2.5.1. Yêu cầu đào tạo hướng dẫn sử dụng**

Trung tâm CNTT tiếp nhận đào tạo và chuyển giao công nghệ sau khi triển

khai hệ thống. Yêu cầu tổ chức đào tạo:

- Thời gian đào tạo: 01 ngày.
- Số lượng học viên: 03 học viên.
- Địa điểm đào tạo: Hà Nội.

### 2.5.2. Nội dung đào tạo hướng dẫn sử dụng

Khóa học	Nội dung
Đào tạo hướng dẫn sử dụng	Sơ đồ, nguyên lý hoạt động của hệ thống
	Cài đặt, cấu hình hệ thống
	Quy trình khai thác cơ bản (vận hành hàng ngày, kiểm tra performance, xử lý sự cố thông thường...)

## 2.6. Yêu cầu về bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật

### 2.6.1. Yêu cầu cam kết bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật đối với nhà cung cấp

- Nhà cung cấp cam kết bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật trong suốt thời gian bảo hành với hàng hóa trong gói thầu (mọi chi phí liên quan đến việc bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật thuộc trách nhiệm của Nhà cung cấp).
- Nhà cung cấp cam kết cung cấp các tài liệu chứng minh đã mua dịch vụ bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật chính hãng cho thiết bị cung cấp trong gói thầu.
- Thời gian bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật: Quy định chi tiết tại mục 2.6.3.
- Địa điểm cung cấp: Trung tâm dữ liệu của Tập đoàn Bảo Việt - số 11 Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

#### a. Yêu cầu về khắc phục sự cố và hỗ trợ kỹ thuật:

- Thời gian tiếp nhận yêu cầu và hỗ trợ kỹ thuật qua điện thoại là 24 giờ/ngày và 365 ngày/năm;
- Đối với các yêu cầu hỗ trợ kỹ thuật, nhà cung cấp có trách nhiệm phản hồi trong tối đa 04 giờ làm việc, đồng thời cung cấp các hỗ trợ kỹ thuật và phối hợp với hãng sản xuất đảm bảo SLA theo gói dịch vụ cung cấp trong hợp đồng;
- Đối với trường hợp Nhà cung cấp dịch vụ bảo hành không khắc phục được sự cố, thì Nhà cung cấp có trách nhiệm thuê bên thứ ba giải quyết và Nhà cung cấp phải chịu toàn bộ chi phí cho bên thứ ba;
- Tối đa 4 giờ làm việc kể từ thời điểm nhận được thông báo có sự cố, nhà thầu phải có mặt tại nơi thông báo có sự cố để bắt đầu hành động khắc phục;

- Đối với các sự cố thiết bị xảy ra trong phạm vi hợp đồng, thời gian có phương án khắc phục sự cố tối đa là 08 giờ làm việc kể từ khi nhận được thông báo sự cố.

#### **b. Yêu cầu về thay thế thiết bị:**

- Đối với trường hợp phải thay thế thiết bị hay phụ tùng trong khi bảo hành thì cấu hình phụ tùng hay thiết bị thay thế phải đảm bảo có cấu hình vật lý phải tương đương hoặc cao hơn thiết bị cũ và đảm bảo tương thích với hệ thống hạ tầng đang hoạt động;
- Thiết bị thay thế đảm bảo đáp ứng tốt yêu cầu công việc như thiết bị bảo hành;
- Trong trường hợp phải thay thế các thiết bị thì nhà cung cấp cần cung cấp tài liệu hoặc email của hãng xác nhận thiết bị thay thế là chính hãng. Thiết bị thay thế có thời gian kết thúc dịch vụ bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật tối thiểu bằng thời gian kết thúc bảo hành của thiết bị được thay thế;
- Khi thực hiện hỗ trợ sửa chữa, thay thế thiết bị đặc biệt là các thiết bị chứa các thông tin quan trọng, thông tin bí mật của Chủ đầu tư thì Nhà cung cấp phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về bảo mật dữ liệu để đảm bảo không bị rò rỉ, thất thoát, hỏng thông tin dữ liệu của Chủ đầu tư.

#### **c. Yêu cầu về cập nhật và nâng cấp OS, firmware**

Sau khi hãng sản xuất thông báo có phiên bản phần mềm (OS, firmware) mới, nếu Chủ đầu tư yêu cầu nâng cấp theo khuyến nghị của hãng sản xuất, nhà thầu phải xây dựng tài liệu, phương án thực hiện cập nhật/nâng cấp phần mềm và thực hiện sau khi được sự đồng ý, phê duyệt của Chủ đầu tư.

#### **d. Trách nhiệm bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật của nhà cung cấp**

Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật các thiết bị với các điều kiện sau:

- Tất cả các lỗi hư hỏng của thiết bị được bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật theo quy định của nhà sản xuất.
- Thiết bị còn thời gian bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật.
- Sản phẩm được bảo hành miễn phí trong thời gian thiết bị còn bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật.

#### **2.6.2. Yêu cầu cam kết bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật đối với hãng sản xuất**

Yêu cầu cam kết bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật đối với hãng sản xuất như sau:

- Thời gian tiếp nhận yêu cầu và hỗ trợ kỹ thuật qua điện thoại, email là 24 giờ/ngày và 7 ngày/tuần.

- Cung cấp quyền truy cập các tài nguyên như tài liệu kỹ thuật, thông tin về bản cập nhật, các phiên bản mới, các công cụ hỗ trợ trên website của hãng.
- Hãng hỗ trợ update phiên bản cho hệ điều hành của thiết bị bao gồm tất cả các cập nhật nằm trong gói license của khách hàng.
- Đối với lỗi thiết bị phần cứng cần phải thay thế, hãng sẽ gửi thiết bị thay thế đi trong ngày làm việc kế tiếp kể từ khi yêu cầu thay thế phần cứng được xác nhận.

### 2.6.3. Thời gian Bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật

Thời gian thực hiện nghĩa vụ bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật cụ thể trong danh sách sau:

ST T	Tên hàng hóa	Số lượng	Đơn vị	Thời gian bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật
1	Thiết bị proxy chuyên dụng	02	Bộ	5 năm
2	Bản quyền phần mềm cung cấp các tính năng của thiết bị proxy	02	Gói	5 năm

*Ghi chú: Thời gian thực hiện nghĩa vụ bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật đối với toàn bộ hàng hóa được tính kể từ khi ký Biên bản tổng nghiệm thu bàn giao toàn bộ sản phẩm của dự án (mọi chi phí liên quan đến bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật thuộc trách nhiệm của Nhà cung cấp).*

### 2.6.4. Cam kết bàn giao các tài liệu sau:

- Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) cho các thiết bị nhập khẩu (Bản gốc hoặc bản sao chứng thực hợp pháp).
- Giấy chứng nhận chất lượng (CQ) cho các thiết bị và phần mềm (Bản gốc của chính hãng sản xuất hoặc bản sao được đóng dấu treo của nhà phân phối và kèm tài liệu chứng minh là nhà phân phối của hãng sản xuất (bản gốc hoặc bản sao chứng thực hợp pháp) trong trường hợp Hãng không có đại diện tại Việt Nam).
- Cam kết bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật của hãng sản xuất cho các thiết bị (Bản gốc của chính hãng sản xuất hoặc bản sao được đóng dấu treo của nhà phân phối).
- Tài liệu mô tả dịch vụ bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật của hãng đối với các hàng hóa trong gói thầu (bản có đóng dấu treo của hãng hoặc của nhà phân phối).
- Cam kết bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật của Nhà thầu cho các thiết bị.

- Bảo lãnh bảo hành: Trong vòng 15 ngày sau khi các Bên ký kết Biên bản nghiệm thu vật tư thiết bị CNTT, Nhà thầu sẽ nộp một chứng thư bảo lãnh bảo hành do một Ngân hàng phát hành cho Chủ đầu tư. Bảo lãnh bảo hành có giá trị bằng 05 (năm) phần trăm giá Hợp đồng và có thời hạn hiệu lực tối thiểu 61 (tháng) kể từ ngày bảo lãnh bảo hành được phát hành. (Mẫu Bảo lãnh bảo hành được quy định tại Phụ lục 01 Chương V của E-HSMT).

## 2.7. Yêu cầu về an toàn vận hành, phòng, chống cháy, nổ

Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Nhà thầu có trách nhiệm thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn vận hành, phòng, chống cháy, nổ. Cụ thể như sau:

- Tuyệt đối chấp hành quy định phòng chống cháy, nổ.
- Tuyệt đối chấp hành các nội quy, quy tắc và an toàn lao động, nếu vi phạm sẽ bị xử lý cảnh cáo, kỷ luật.
- Nhà thầu phải có đầy đủ các tài liệu triển khai trước khi triển khai công việc.
- Khi sử dụng điện phải tuân thủ các quy tắc về an toàn điện và phòng chống cháy (tuyệt đối không cho phép người không có chuyên môn về điện đấu điện). Phổ biến nội quy về phòng chống cháy nổ cho toàn bộ cán bộ công nhân viên tham gia triển khai.
- Nhà thầu chịu trách nhiệm hoàn toàn những tai nạn lao động xảy ra trong quá trình thực hiện công việc của nhà thầu cho đến khi hoàn thành việc triển khai hợp đồng nếu nhân sự của Nhà thầu thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ các quy định về an toàn lao động.

## 2.8. Cam kết về nhân sự triển khai

Để đảm bảo chất lượng triển khai, nhà thầu cam kết cung cấp các nhân sự triển khai đáp ứng yêu cầu sau trong vòng 07 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, cụ thể:

STT	Yêu cầu về nhân sự	Số lượng
<b>I</b>	<b>Triển khai lắp đặt, cài đặt trang thiết bị; cài đặt phần mềm; kiểm tra, hiệu chỉnh thiết bị và phần mềm</b>	
1	Nhân sự triển khai	02
	- Tốt nghiệp đại học một trong các chuyên ngành tại mục (2) nội dung Ghi chú. - Năm kinh nghiệm: tối thiểu 6 năm kinh nghiệm tính từ	

STT	Yêu cầu về nhân sự	Số lượng
	thời điểm tốt nghiệp đại học.	
2	Yêu cầu chung của nhân sự triển khai	
	Trong 02 nhân sự triển khai có ít nhất 01 nhân sự có Chứng chỉ liên quan đến cài đặt/triển khai/quản trị hệ thống Proxy hoặc đã có kinh nghiệm chuyên môn triển khai hệ thống Proxy trong dự án cụ thể.	

**Ghi chú:**

- (1) **Năm kinh nghiệm:** là tổng số năm (1 năm = 12 tháng) nhân sự đã làm việc được tính từ ngày tốt nghiệp Đại học đến ngày nhà thầu gửi công văn cử nhân sự tham gia thực hiện hợp đồng.
- (2) **Các chuyên ngành gồm:** Tin học, Điện tử tin học, Khoa học máy tính, Truyền thông và mạng máy tính, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin, Công nghệ thông tin, An toàn thông tin, Công nghệ kỹ thuật máy tính, Công nghệ truyền thông, Hệ thống thông tin quản lý, Kỹ thuật máy tính, Tin học ứng dụng, Toán ứng dụng, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, Toán – Tin, Toán tin ứng dụng, Xử lý thông tin truyền thông, Sự phạm tin học, Điện tử - viễn thông, Điện tử, Viễn thông, Truyền thông đa phương tiện, Công nghệ kỹ thuật điện – điện tử, Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông, Công nghệ phần mềm, Máy tính, Kỹ thuật điện tử viễn thông.
- (3) **Chứng chỉ của nhân sự:** Nhà thầu cung cấp các tài liệu sau cùng thời điểm gửi công văn cử nhân sự tham gia thực hiện hợp đồng: chứng chỉ có chứng thực của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc chứng chỉ Online được thể hiện trên trang thông tin của hãng hoặc thông tin chứng chỉ được xác nhận của hãng; các chứng chỉ này còn hiệu lực đến hết thời gian thực hiện hợp đồng. Trường hợp thời hạn có hiệu lực của chứng chỉ không kéo dài đến hết thời gian thực hiện hợp đồng, Nhà thầu phải có cam kết nhân sự triển khai sẽ gia hạn hiệu lực của chứng chỉ đến hết thời gian thực hiện hợp đồng hoặc thay thế nhân sự triển khai khác có chứng chỉ tương đương và còn hiệu lực đến hết thời gian thực hiện hợp đồng. Trường hợp trên chứng chỉ không ghi thời điểm hết hiệu lực thì chứng chỉ đáp ứng yêu cầu.

- (4) **Kinh nghiệm chuyên môn:** Nhà thầu cung cấp hợp đồng và các tài liệu liên quan để chứng minh kinh nghiệm của nhân sự cùng thời điểm gửi công văn cử nhân sự tham gia thực hiện hợp đồng.

## **Mục 2. Bản vẽ**

Không có bản vẽ kèm theo.

## **Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm**

Căn cứ quy mô và tính chất của gói thầu, hai bên sẽ tiến hành lập kế hoạch triển khai thực hiện hợp đồng, nghiệm thu tiếp nhận nhân sự (nếu có) và nghiệm thu các sản phẩm/hạng mục của hợp đồng, cụ thể như sau:

### **1. Lập kế hoạch triển khai thực hiện hợp đồng**

Sau khi ký kết hợp đồng, hai bên sẽ thống nhất Kế hoạch triển khai thực hiện hợp đồng làm cơ sở triển khai nội dung công việc của hợp đồng.

### **2. Nghiệm thu tiếp nhận/thay thế nhân sự (nếu có)**

Trong vòng 7 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, nhà thầu gửi danh sách nhân sự tham gia triển khai hợp đồng đảm bảo năng lực, kinh nghiệm của nhân sự theo đúng cam kết tại tiểu mục 2.8 Mục 1 Chương V của E-HSMT.

Trường hợp thay thế nhân sự, nhà thầu gửi công văn cử nhân sự thay thế trước 03 ngày kể từ ngày nhân sự thay thế bắt đầu tham gia triển khai thực hiện hợp đồng. Nguyên tắc tiếp nhận/thay thế nhân sự: Chủ đầu tư chỉ tiếp nhận nhân sự có năng lực, kinh nghiệm bằng hoặc cao hơn năng lực, kinh nghiệm của nhân sự của hợp đồng.

Sau khi hoàn thành nghiệm thu, tiếp nhận nhân sự triển khai thực hiện hợp đồng, hai bên lập **Biên bản nghiệm thu tiếp nhận nhân sự**.

Sau khi hoàn thành nghiệm thu, tiếp nhận nhân sự thay thế (nếu có), hai bên lập **Biên bản nghiệm thu tiếp nhận nhân sự thay thế (theo lần)**

### **3. Kiểm tra, nghiệm thu và bàn giao các sản phẩm/hạng mục của hợp đồng**

Căn cứ vào Hợp đồng và Kế hoạch triển khai thực hiện hợp đồng, hai bên nghiệm thu/phê duyệt các sản phẩm/hạng mục của hợp đồng.

Trước khi hai bên ký Biên bản nghiệm thu, bàn giao sản phẩm, hạng mục của hợp đồng, nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư 03 bản (bản chính hoặc bản sao công chứng) văn bản xác nhận của nhà sản xuất hoặc nhà phân phối (được hãng ủy quyền)

về thời gian bảo hành của tất cả thiết bị và bản quyền phần mềm (nếu có) theo quy định của hợp đồng. Đồng thời, Bên B cung cấp cho Bên A tài khoản để quản lý sử dụng các thông tin bảo hành và thông tin bản quyền phần mềm trên trang thông tin điện tử của hãng (nếu có). Trường hợp hãng không có cổng thông tin điện tử dành cho khách hàng để quản lý sử dụng thông tin thì Bên B phải cung cấp cho Bên A thư xác nhận của hãng về nội dung này

## PHỤ LỤC 01 MẪU BẢO LÃNH BẢO HÀNH

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ *[ghi tên Chủ đầu tư]*

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Căn cứ các điều khoản, điều kiện của Hợp đồng .....số ..... ngày ...../...../..... (sau đây gọi là “Hợp đồng”) giữa \_\_\_\_\_ *[ghi tên Chủ đầu tư]* (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”) và ..... (ghi tên đăng ký của Bên được bảo lãnh) có trụ sở đăng ký tại ..... (ghi địa chỉ đăng ký của bên được bảo lãnh) (sau đây gọi là “Nhà thầu”).

Theo quy định trong Hợp đồng, nhà thầu phải nộp cho chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc cung cấp dịch vụ bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật theo yêu cầu của Hợp đồng.

Chúng tôi, \_\_\_\_\_ *[ghi tên của ngân hàng]* ở \_\_\_\_\_ *[ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ]* có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_\_ *[ghi địa chỉ của ngân hàng<sup>(1)</sup>]* (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho nghĩa vụ bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật của Nhà thầu với số tiền là \_\_\_\_\_ VNĐ *[ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ]*.

Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn \_\_\_\_\_ *[ghi số tiền bảo lãnh]* như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm nghĩa vụ bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật trong thời hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này.

Bảo lãnh này có hiệu lực tối thiểu \_\_\_\_\_ *[ghi số tháng theo quy định của hợp đồng]* kể từ ngày phát hành.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

## Phần 3A. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG

### Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

<b>1. Định nghĩa</b>	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại <b>E-ĐKCT</b>;</p> <p>1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;</p> <p>1.3. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại <b>E-ĐKCT</b>;</p> <p>1.4. “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện dịch vụ liên quan;</p> <p>1.5. “Tài liệu hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;</p> <p>1.6. “Giá hợp đồng” là giá trị ghi trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu, là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);</p> <p>1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; “năm” là 365 ngày;</p> <p>1.8. “Hàng hóa” gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; sản phẩm; phương tiện; hàng tiêu dùng; hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; phần mềm thương mại.;</p> <p>1.9. “Dịch vụ liên quan” bao gồm các dịch vụ như lắp đặt, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu, bảo hiểm lắp đặt, bảo hiểm sửa chữa hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ...;</p> <p>1.10. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;</p> <p>1.11. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p> <p>1.12. “Thời gian thực hiện hợp đồng” được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.</p>
<b>2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên</b>	<p>2.1. Tất cả các tài liệu quy định tại Mục 2.2 E-ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho</p>

	<p>nhau.</p> <p>2.2. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <p>a) Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;</p> <p>b) E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);</p> <p>c) Biên bản hoàn thiện hợp đồng;</p> <p>d) E-ĐKC của hợp đồng;</p> <p>đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>e) Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;</p> <p>g) E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT (nếu có) của Nhà thầu;</p> <p>h) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);</p> <p>i) Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>2.3. Tài liệu hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng quy định tại Điều 65 của Luật Đấu thầu và được các bên ký số để tạo thành hợp đồng điện tử bao gồm:</p> <p>a) Văn bản hợp đồng;</p> <p>b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có);</p> <p>d) Tài liệu khác (nếu có).</p>
<b>3. Luật và ngôn ngữ</b>	Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.
<b>4. Thông báo</b>	<p>4.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại E-ĐKCT. Thuật ngữ “bằng văn bản” có nghĩa là hình thức truyền đạt thông tin dưới dạng viết và có bằng chứng về việc tiếp nhận thông tin.</p> <p>4.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.</p>
<b>5. Bảo đảm</b>	5.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư

<p><b>thực hiện hợp đồng</b></p>	<p>không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng một hoặc các hình thức sau:</p> <p>a) Đặt cọc bằng Séc bảo chi hoặc nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của chủ đầu tư đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị dưới 50 triệu đồng và thời gian có hiệu lực của Séc bảo chi phù hợp với thời gian thực hiện gói thầu;</p> <p>b) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam;</p> <p>c) Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.</p> <p>Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại điểm b và điểm c khoản này là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu), theo mẫu quy định tại Phần 4 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>5.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị và hiệu lực quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p> <p>5.3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Chủ đầu tư để bồi thường cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh do Nhà thầu không hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng.</p> <p>5.4. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p>
<p><b>6. Ký hợp đồng thầu phụ</b></p>	<p>6.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại <b>E-ĐKCT</b> để thực hiện dịch vụ liên quan nêu trong E-HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện.</p> <p>Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư chấp thuận; việc sử dụng nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu.</p> <p>6.2. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn</p>

	cho nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và nhà thầu phụ.
<b>7. Giải quyết tranh chấp</b>	<p>7.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.</p> <p>7.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại <b>E-ĐKCT</b> kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p>
<b>8. Phạm vi cung cấp</b>	Hàng hóa và dịch vụ liên quan phải được cung cấp theo quy định tại Chương V.
<b>9. Tiến độ giao hàng, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) và tài liệu chứng từ</b>	Tiến độ giao hàng và lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) phải được thực hiện theo quy định tại Mẫu số 01A (đối với hợp đồng trọn gói) hoặc Mẫu số 01B (đối với hợp đồng theo đơn giá) hoặc Mẫu số 01C (đối với hợp đồng hỗn hợp) và Mẫu số 01D Chương IV. Nhà thầu phải cung cấp các hóa đơn, chứng từ tài liệu khác theo quy định tại <b>E-ĐKCT</b> .
<b>10. Trách nhiệm của Nhà thầu</b>	Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ hàng hóa và dịch vụ liên quan (nếu có) trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 8 E-ĐKC và theo tiến độ giao hàng, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 9 E-ĐKC.
<b>11. Loại hợp đồng và giá hợp đồng</b>	<p>11.1. Loại hợp đồng: theo quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p> <p>11.2. Giá hợp đồng quy định tại <b>E-ĐKCT</b> là toàn bộ chi phí để hoàn thành việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu.</p>
<b>12. Thuế, phí, lệ phí</b>	<p>12.1. Nhà thầu chịu trách nhiệm đối với toàn bộ chi phí về thuế, phí, lệ phí phát sinh cho đến khi hàng hóa được giao cho Chủ đầu tư.</p> <p>12.2. Trường hợp Nhà thầu thuộc đối tượng được miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, Chủ đầu tư tạo điều kiện tối đa cho Nhà thầu áp dụng các chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí.</p> <p>12.3. Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p>
<b>13. Tạm ứng</b>	13.1. Chủ đầu tư phải cấp cho Nhà thầu khoản tiền tạm ứng

	<p>theo quy định tại <b>E-ĐKCT</b>, sau khi Nhà thầu nộp Bảo lãnh tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.</p> <p>13.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư.</p>
<b>14. Thanh toán</b>	<p>14.1. Yêu cầu thanh toán của Nhà thầu phải được gửi cho Chủ đầu tư bằng văn bản, kèm theo hóa đơn mô tả hàng hóa đã bàn giao và các dịch vụ liên quan đã thực hiện, cùng với chứng từ nộp theo quy định tại Mục 9 E-ĐKC và gửi yêu cầu thanh toán khi đã hoàn thành các nghĩa vụ khác quy định trong hợp đồng.</p> <p>14.2. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p> <p>14.3. Đồng tiền thanh toán là VND.</p>
<b>15. Quyền tác giả</b>	<p>15.1. Quyền tác giả đối với tất cả các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ chứa đựng thông tin và dữ liệu mà Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư vẫn thuộc về Nhà thầu. Trường hợp các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ đó được cung cấp cho Chủ đầu tư một cách trực tiếp hoặc thông qua Nhà thầu bởi một bên thứ ba thì quyền tác giả đối với các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ thuộc về bên thứ ba đó.</p> <p>15.2. Quyền khác theo quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p>
<b>16. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng</b>	<p>16.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.</p> <p>16.2. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và</p>

	<p>thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.</p> <p>16.3. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư và Nhà thầu quy định tại Mục 16.1 và Mục 16.2 E-ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây:</p> <p>a) Thông tin mà Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền;</p> <p>b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu;</p> <p>c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp;</p> <p>d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin.</p> <p>16.4. Các quy định tại Mục 16 E-ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ.</p> <p>16.5. Các quy định tại Mục 16 E-ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.</p>
<p><b>17. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn</b></p>	<p>Hàng hóa và các dịch vụ liên quan được cung cấp theo hợp đồng sẽ phải tuân theo các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn quy định tại Chương V; nếu tại Chương V không quy định đến một thông số hay tiêu chuẩn nào có thể áp dụng thì phải tuân thủ theo thông số và tiêu chuẩn tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.</p>
<p><b>18. Đóng gói hàng hóa</b></p>	<p>18.1. Nhà thầu phải đóng gói hàng hóa đúng yêu cầu nhằm tránh hư hỏng trong quá trình vận chuyển đến địa điểm dự án theo quy định trong hợp đồng. Trong quá trình vận chuyển, bao gói hàng hóa phải đủ chắc chắn để chịu được những va chạm mạnh, nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp, trong nước mặn, nước mưa và ở ngoài trời. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm dự án.</p>

	<p>18.2. Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng phải tuân thủ các yêu cầu cụ thể trong hợp đồng, bao gồm cả các yêu cầu (nếu có) quy định ở <b>E-ĐKCT</b> và các chỉ dẫn khác của Chủ đầu tư.</p>
<b>19. Bảo hiểm</b>	<p>Trừ trường hợp có quy định khác tại <b>E-ĐKCT</b>, hàng hóa cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ cho các tổn thất, hư hại có thể xảy ra trong quá trình sản xuất hoặc tiếp nhận, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p>
<b>20. Vận chuyển và các dịch vụ phát sinh</b>	<p>20.1. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa và các yêu cầu khác quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p> <p>20.2. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu cung cấp một hoặc một số dịch vụ sau đây, bao gồm cả các dịch vụ (nếu có) theo quy định tại <b>E-ĐKCT</b>:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Thực hiện việc lắp đặt hoặc giám sát việc lắp đặt tại hiện trường, chạy thử hàng hóa;</li> <li>b) Cung cấp các dụng cụ cần thiết để lắp ráp, bảo dưỡng hàng hóa;</li> <li>c) Cung cấp tài liệu chi tiết hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng cho từng loại hàng hóa;</li> <li>d) Vận hành hoặc giám sát hoặc bảo dưỡng, sửa chữa hàng hóa trong khoảng thời gian đã được các bên thỏa thuận, với điều kiện là dịch vụ này sẽ không miễn trừ cho Nhà thầu khỏi bất kỳ nghĩa vụ bảo hành nào theo hợp đồng này;</li> <li>đ) Hướng dẫn nhân sự của Chủ đầu tư về cách lắp đặt, chạy thử, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa hàng hóa.</li> </ul> <p>20.3. Trường hợp phát sinh dịch vụ ngoài hợp đồng, Chủ đầu tư và Nhà thầu thương thảo về chi phí thực hiện dịch vụ, bảo đảm không vượt quá mức giá mà Nhà thầu áp dụng cho dịch vụ tương tự trong các hợp đồng khác.</p>
<b>21. Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa</b>	<p>21.1. Nhà thầu phải tiến hành tất cả các thử nghiệm, kiểm tra đối với hàng hóa và dịch vụ liên quan theo quy định tại <b>E-ĐKCT</b> và chịu toàn bộ chi phí thử nghiệm, kiểm tra.</p> <p>21.2. Việc kiểm tra và thử nghiệm có thể được tiến hành tại cơ sở của Nhà thầu hoặc cơ sở khác ở địa điểm giao hàng, và/hoặc địa điểm dự án hoặc ở bất kỳ địa điểm nào khác theo quy định tại <b>E-ĐKCT</b>. Theo quy định tại Mục 21.3 E-ĐKCT, trường hợp tiến hành tại cơ sở của Nhà thầu hoặc cơ sở khác</p>

thì cán bộ kiểm tra phải được cung cấp tất cả phương tiện và hỗ trợ cần thiết, kể cả việc tiếp cận bản vẽ và dữ liệu sản xuất; Chủ đầu tư không phải chịu bất kỳ chi phí nào cho các phương tiện và hỗ trợ này.

21.3. Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có quyền tham dự các buổi thử nghiệm, kiểm tra quy định tại Mục 21.2 E-ĐKC, với điều kiện là Chủ đầu tư chịu tất cả các chi phí phát sinh liên quan đến việc tham dự, bao gồm cả chi phí đi lại, lưu trú.

21.4. Trước khi tiến hành kiểm tra, thử nghiệm, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư về địa điểm và thời gian tiến hành kiểm tra, thử nghiệm. Trường hợp phải được sự chấp thuận của bên thứ ba hoặc nhà sản xuất để Chủ đầu tư tham gia kiểm tra, thử nghiệm, Nhà thầu phải có văn bản đồng ý của các bên liên quan này.

21.5. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu tiến hành thử nghiệm, kiểm tra ngoài hợp đồng nhưng cần thiết để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật, hiệu suất đáp ứng yêu cầu của hợp đồng, với điều kiện là các chi phí hợp lý để tiến hành thử nghiệm, kiểm tra đó được cộng thêm vào giá hợp đồng. Trường hợp thử nghiệm, kiểm tra làm chậm tiến độ sản xuất và/hoặc tiến độ thực hiện các nghĩa vụ khác của Nhà thầu theo hợp đồng, Chủ đầu tư xem xét điều chỉnh ngày giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ liên quan và các nghĩa vụ khác bị ảnh hưởng.

21.6. Nhà thầu phải gửi cho Chủ đầu tư báo cáo kết quả của tất cả các thử nghiệm, kiểm tra.

21.7. Chủ đầu tư có quyền từ chối bất kỳ hàng hóa, bộ phận hàng hóa nào không đáp ứng yêu cầu trong các buổi kiểm tra, thử nghiệm hoặc không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng. Nhà thầu phải thay thế bằng hàng hóa, bộ phận hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để phù hợp với các đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng và phải chịu tất cả chi phí liên quan đến việc thay thế hoặc điều chỉnh này. Sau đó Nhà thầu phải tiến hành kiểm tra, thử nghiệm lại và chịu tất cả chi phí phát sinh, đồng thời thông báo cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 21.4 E-ĐKC.

21.8. Việc Nhà thầu thực hiện thử nghiệm, kiểm tra hàng hóa, bộ phận hàng hóa, việc Chủ đầu tư hay đại diện của Chủ đầu

	<p>tư tham dự các buổi thử nghiệm, kiểm tra, hay việc báo cáo kết quả thử nghiệm, kiểm tra theo quy định tại Mục 21.6 E-ĐKC, không miễn trừ cho Nhà thầu nghĩa vụ bảo hành hoặc các nghĩa vụ khác theo hợp đồng.</p>
<b>22. Phạt và bồi thường thiệt hại</b>	<p>Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại E-ĐKCT.</p>
<b>23. Bảo hành</b>	<p>23.1. Nhà thầu bảo đảm cung cấp hàng hóa mới, chưa qua sử dụng theo đúng đề xuất đã nêu.</p> <p>23.2. Nhà thầu bảo đảm hàng hóa không phát sinh khiếm khuyết do bất kỳ hành động hay sơ suất nào từ phía Nhà thầu hoặc do thiết kế, vật liệu hoặc kỹ thuật chế tạo khi hàng hóa được sử dụng bình thường trong các điều kiện phổ biến tại Việt Nam.</p> <p>23.3. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>23.4. Trường hợp phát hiện khiếm khuyết của hàng hóa, Chủ đầu tư kịp thời thông báo cho Nhà thầu, kèm theo tài liệu chứng minh. Chủ đầu tư tạo điều kiện cho Nhà thầu tiến hành kiểm tra các khiếm khuyết đó.</p> <p>23.5. Sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về việc hàng hóa có khiếm khuyết, Nhà thầu phải kịp thời sửa chữa hoặc thay thế hàng hóa có khiếm khuyết trong thời hạn quy định tại E-ĐKCT và chịu toàn bộ chi phí sửa chữa, thay thế.</p> <p>23.6. Trường hợp đã được thông báo nhưng Nhà thầu không tiến hành sửa chữa khiếm khuyết của hàng hóa trong thời hạn quy định tại E-ĐKCT, Chủ đầu tư có thể tự sửa chữa (nếu cần thiết). Nhà thầu phải chịu tất cả rủi ro và chi phí liên quan. Việc Chủ đầu tư tự sửa chữa khiếm khuyết của hàng hóa không ảnh hưởng đến các quyền khác của Chủ đầu tư đối với Nhà thầu theo hợp đồng.</p>
<b>24. Bồi thường vi phạm sáng chế</b>	<p>24.1. Với điều kiện là Chủ đầu tư tuân thủ Mục 24.2 E-ĐKC, Nhà thầu có nghĩa vụ bồi thường, bảo đảm Chủ đầu tư và nhân sự của Chủ đầu tư không bị tổn hại bởi bất kỳ vụ kiện tụng, thủ tục hành chính, khiếu nại, yêu cầu, tổn thất, thiệt hại, chi phí nào, bao gồm cả chi phí thuê luật sư vì có vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm sáng chế, mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, quyền tác giả hoặc các quyền sở hữu trí tuệ</p>

	<p>khác đã đăng ký hoặc tồn tại vào ngày ký hợp đồng mà các vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm đó liên quan tới:</p> <p>a) Việc lắp đặt hàng hóa do Nhà thầu thực hiện hoặc việc sử dụng hàng hóa tại Việt Nam;</p> <p>b) Việc bán các sản phẩm được sản xuất từ hàng hóa.</p> <p>Việc bồi thường nêu trên không áp dụng đối với các trường hợp sau: sử dụng hàng hóa hoặc bất kỳ phần nào của hàng hóa ngoài mục đích nêu trong hợp đồng hoặc phát sinh hợp lý từ hợp đồng; có hành vi vi phạm do sử dụng hàng hóa hoặc bất kỳ phần nào của hàng hóa, hay bất kỳ sản phẩm nào được sản xuất từ hàng hóa có sự kết hợp các thiết bị, nhà xưởng hoặc vật tư khác không phải do Nhà thầu cung cấp theo hợp đồng.</p> <p>24.2. Trường hợp xảy ra kiện tụng hoặc khiếu nại đối với Chủ đầu tư liên quan tới các vấn đề quy định tại Mục 24.1 E-ĐKC, Chủ đầu tư có nghĩa vụ thông báo kịp thời cho Nhà thầu. Nhà thầu có thể nhân danh Chủ đầu tư giải quyết kiện tụng hoặc khiếu nại đó hoặc thương thảo để giải quyết kiện tụng hoặc khiếu nại đó và chịu trách nhiệm đối với các chi phí liên quan.</p> <p>24.3. Trong vòng 28 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư, trường hợp Nhà thầu không thông báo cho Chủ đầu tư về ý định giải quyết kiện tụng hay khiếu nại đó, Chủ đầu tư sẽ tự giải quyết.</p> <p>24.4. Trường hợp được yêu cầu, Chủ đầu tư hỗ trợ Nhà thầu giải quyết vụ kiện tụng hay khiếu nại đó và sẽ được Nhà thầu hoàn trả mọi chi phí hợp lý phát sinh.</p> <p>24.5. Chủ đầu tư có nghĩa vụ bồi thường, đảm bảo Nhà thầu, nhà thầu phụ, nhân sự của Nhà thầu không bị tổn hại bởi bất kỳ vụ kiện tụng, thủ tục hành chính, khiếu nại, yêu cầu, tổn thất, thiệt hại, chi phí nào, bao gồm cả chi phí thuê luật sư vì có vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm sáng chế, mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, quyền tác giả hoặc các quyền sở hữu trí tuệ khác đã đăng ký hoặc tồn tại vào ngày ký hợp đồng mà các vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm đó phát sinh từ hoặc liên quan đến bất kỳ thiết kế, dữ liệu, bản vẽ, thông số kỹ thuật hoặc các tài liệu và hồ sơ nào được cung cấp hoặc thiết kế bởi Chủ đầu tư hoặc thay mặt Chủ đầu tư.</p>
<p><b>25. Thay đổi liên quan đến pháp lý</b></p>	<p>Trừ trường hợp có quy định khác tại hợp đồng, kể từ 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu trở về sau, nếu có bất kỳ chính sách nào được ban hành, thay thế, sửa đổi hoặc tuyên bố</p>

	<p>hết hiệu lực tại Việt Nam gây ảnh hưởng đến ngày giao hàng và/hoặc giá hợp đồng thì ngày giao hàng hoặc giá hợp đồng phải được điều chỉnh tương ứng với mức độ ảnh hưởng của nhà thầu khi thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng. Phần tăng hoặc giảm giá hợp đồng không được thanh toán riêng hay ghi nhận khoản phải trả riêng nếu việc tăng hoặc giảm giá hợp đồng này đã được quy định tại Mục 11 E-ĐKC.</p>
<p><b>26. Bất khả kháng</b></p>	<p>26.1. Nhà thầu không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.</p> <p>26.2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi sự việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.</p> <p>26.3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.</p> <p>26.4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p> <p>Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của</p>

	<p>sự việc bất khả kháng.</p> <p>26.5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.</p>
<p><b>27. Sửa đổi hợp đồng</b></p>	<p>27.1. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu sửa đổi, bổ sung các nội dung sau đây trong phạm vi công việc của hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Thay đổi bản vẽ, thiết kế công nghệ hoặc yêu cầu kỹ thuật đối với trường hợp hàng hóa cung cấp theo hợp đồng được đặt hàng sản xuất cho riêng Chủ đầu tư;</li> <li>b) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói;</li> <li>c) Thay đổi địa điểm giao hàng;</li> <li>d) Thay đổi dịch vụ liên quan.</li> </ul> <p>đ) Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 28 E-ĐKC.</p> <p>27.2. Trường hợp việc sửa đổi, bổ sung các nội dung trong phạm vi công việc của hợp đồng quy định tại Mục 27.1 E-ĐKC làm thay đổi chi phí hoặc thời gian thực hiện bất kỳ điều khoản nào trong hợp đồng, giá hợp đồng hoặc ngày giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ liên quan phải được điều chỉnh tương ứng và hai bên tiến hành sửa đổi hợp đồng. Yêu cầu của Nhà thầu về việc điều chỉnh giá hợp đồng, ngày giao hàng hoặc ngày hoàn thành phải được tiến hành trong vòng 28 ngày, kể từ ngày Nhà thầu nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung nội dung công việc của hợp đồng.</p> <p>27.3. Trường hợp Nhà thầu cung cấp hàng hóa với phiên bản mới của cùng hãng sản xuất, có cùng xuất xứ, có tính năng kỹ thuật, cấu hình, thông số... tương đương hoặc tốt hơn phiên bản hàng hóa Nhà thầu đề xuất trong E-HSĐT và đáp ứng yêu cầu E-HSMT thì Nhà thầu phải thông báo trước bằng văn bản cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư xem xét. Trong trường hợp này, căn cứ nhu cầu sử dụng, Chủ đầu tư có thể chấp thuận đề xuất của Nhà thầu với điều kiện là đơn giá và các điều kiện khác của hợp đồng không thay đổi.</p> <p>27.4. Trường hợp cần thực hiện các dịch vụ liên quan chưa nêu trong hợp đồng, Chủ đầu tư và Nhà thầu tiến hành thương thảo, bảo đảm đơn giá phù hợp giá cả thị trường.</p> <p>27.5. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm</p>

	<p> cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng trong trường hợp sửa đổi hợp đồng.</p> <p>27.6. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nhà thầu có thể đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí bao gồm ít nhất các nội dung sau đây:</p> <p>a) Nội dung giải pháp, giải thích sự khác biệt so với các yêu cầu theo hợp đồng đã ký kết;</p> <p>b) Phân tích toàn diện chi phí và lợi ích của giải pháp bao gồm mô tả và ước tính các chi phí (bao gồm cả chi phí vòng đời) có thể phát sinh cho Chủ đầu tư trong trường hợp chấp thuận đề xuất của Nhà thầu;</p> <p>c) Tác động của giải pháp đối với hiệu quả thực hiện hợp đồng.</p> <p>27.7. Chủ đầu tư có thể chấp thuận đề xuất của Nhà thầu nếu đề xuất này chứng minh được một trong các lợi ích dưới đây mà không làm ảnh hưởng đến các chức năng cần thiết của hàng hóa:</p> <p>a) Rút ngắn thời gian giao hàng;</p> <p>b) Giảm giá hợp đồng hoặc chi phí vòng đời cho Chủ đầu tư;</p> <p>c) Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoặc tính bền vững của hàng hóa trong hợp đồng;</p> <p>d) Bất kỳ lợi ích nào khác cho Chủ đầu tư.</p> <p>Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo tỷ lệ quy định tại <b>E-ĐKCT</b> đối với phần giá trị giảm giá hợp đồng.</p> <p>Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm tăng giá hợp đồng nhưng giảm chi phí vòng đời do tác động của các yếu tố quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo phần giá trị tăng giá hợp đồng.</p>
<p><b>28. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng</b></p>	<p>28.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở Nhà thầu hoặc nhà thầu phụ trong việc cung cấp hàng hóa và lịch thực hiện các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 9 E-ĐKC, Nhà thầu phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư về việc chậm tiến độ, nguyên nhân, khoảng thời gian chậm tiến độ. Trên cơ sở thông báo của Nhà thầu, Chủ đầu tư phải nhanh chóng đánh giá tình</p>

	<p>hình và có thể xem xét gia hạn hợp đồng. Trường hợp Chủ đầu tư đồng ý gia hạn, các bên tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p> <p>28.2. Trừ trường hợp bất khả kháng quy định tại Mục 26 E-ĐKC, Nhà thầu giao hàng chậm hoặc hoàn thành dịch vụ liên quan chậm có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 22 E-ĐKC.</p>
<p><b>29. Chấm dứt hợp đồng</b></p>	<p>29.1. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm</p> <p>a) Chủ đầu tư có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm hợp đồng khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về sai phạm trong hợp đồng trong các trường hợp sau:</p> <p>(i) Nhà thầu không thể bàn giao hàng hóa hoặc một phần hàng hóa trong thời hạn quy định theo hợp đồng, hoặc trong thời gian gia hạn theo quy định tại Mục 28 E-ĐKC;</p> <p>(ii) Nhà thầu không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo hợp đồng;</p> <p>(iii) Chủ đầu tư xác định Nhà thầu vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện hợp đồng;</p> <p>b) Trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng theo điểm a khoản này, Chủ đầu tư có thể mua sắm hàng hóa và dịch vụ liên quan tương tự như các hàng hóa và dịch vụ chưa được thực hiện theo các điều khoản và phương thức phù hợp. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư các chi phí phụ trội phát sinh từ việc mua hàng hóa và dịch vụ tương tự đó. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt.</p> <p>29.2. Chấm dứt hợp đồng do mất khả năng thanh toán</p> <p>Trường hợp Nhà thầu phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Nhà thầu. Trong trường hợp đó, hợp đồng sẽ chấm dứt và Nhà thầu không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt hợp đồng không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền khởi kiện hoặc biện pháp khắc phục của Chủ đầu tư trước đó hoặc sau đó.</p>
<p><b>30. Hạn chế</b></p>	<p>Trường hợp quốc gia, vùng lãnh thổ cung cấp hàng hóa, dịch</p>

<b>xuất khẩu</b>	vụ có các quy định thương mại dẫn tới việc hạn chế xuất khẩu, gây khó khăn cho Nhà thầu trong việc thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng, Nhà thầu không bắt buộc phải hoàn thành nghĩa vụ giao hàng, thực hiện dịch vụ với điều kiện là Nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư các tài liệu chứng minh việc đã hoàn thành tất cả các thủ tục xuất khẩu cần thiết, bao gồm cả xin giấy phép hoặc ủy quyền để xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ theo hợp đồng. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng với Nhà thầu.
------------------	---

## Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

<b>E-ĐKC 1.1</b>	Chủ đầu tư: Tập đoàn Bảo Việt - Địa chỉ: Số 8 Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội. - Email: bvh-dauthau@baoviet.com.vn.
<b>E-ĐKC 1.3</b>	Nhà thầu: ___ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].
<b>E-ĐKC 1.11</b>	Địa điểm dự án: Trung tâm dữ liệu của Tập đoàn Bảo Việt: Số 11 Duy Tân, Phường Cầu Giấy, TP. Hà Nội.
<b>E-ĐKC 2.2</b> <b>(i)</b>	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của hợp đồng: 1. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng; 2. Bảo lãnh tiền tạm ứng (nếu có); 3. Bảo lãnh bảo hành; 4. Các tài liệu khác kèm theo (nếu có);
<b>E-ĐKC 4.1</b>	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: - Người nhận: Tập đoàn Bảo Việt. - Địa chỉ: Số 8 Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội. - Điện thoại: (84-24) 39289999/39289898 - Số fax: (84-24) 39289609/39289610 - Địa chỉ email: bvh-dauthau@baoviet.com.vn.
<b>E-ĐKC 5.2</b>	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10% giá hợp đồng. - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, hai bên ký biên bản tổng nghiệm thu bàn giao toàn bộ sản phẩm của dự án và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu thời gian thực hiện hợp đồng bị kéo dài thì Nhà thầu phải có trách nhiệm gia hạn bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời gian tương ứng.
<b>E-ĐKC 5.4</b>	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: 20 ngày kể từ ngày hai bên ký Biên bản thanh lý hợp đồng. Biên bản thanh lý hợp đồng sẽ được hai bên ký trong vòng 30 ngày kể từ ngày hai bên ký Biên bản tổng nghiệm thu bàn giao toàn bộ sản phẩm của dự án.

<b>E-ĐKC 6.1</b>	Danh sách nhà thầu phụ: Không áp dụng.
<b>E-ĐKC 7.2</b>	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày</p> <p>Giải quyết tranh chấp:</p> <p>+ Nếu sau khoảng thời gian để tiến hành hòa giải mà các bên không đạt được thỏa thuận về giải quyết tranh chấp theo Hợp đồng thì mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) theo quy tắc tổ tụng trọng tài của Trung tâm này và theo các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Số lượng trọng tài viên: 03;</li> <li>○ Địa điểm trọng tài viên: Thành phố Hà Nội;</li> <li>○ Luật áp dụng cho hợp đồng: Luật Việt Nam;</li> </ul> <p>+ Quyết định của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả hai bên.</p>
<b>E-ĐKC 9</b>	<p>Nhà thầu phải cung cấp các hóa đơn và chứng từ sau đây: Không áp dụng</p> <p>Chủ đầu tư phải nhận được các hóa đơn và chứng từ nêu trên trước khi hàng hóa đến địa điểm quy định, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan.</p>
<b>E-ĐKC 11.1</b>	Loại hợp đồng: Trọn gói.
<b>E-ĐKC 11.2</b>	Giá hợp đồng: Cố định.
<b>E-ĐKC 12.3</b>	<p>Điều chỉnh thuế: Được phép.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</p>
<b>E-ĐKC 13.1</b>	<p>Tạm ứng:</p> <p>Chủ đầu tư tạm ứng cho Nhà thầu 10% giá hợp đồng trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Nhà thầu cung cấp đầy đủ bản gốc những giấy tờ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Kế hoạch triển khai chi tiết được Chủ đầu tư phê duyệt.</li> <li>○ Giấy đề nghị tạm ứng của Nhà thầu.</li> <li>○ Bảo đảm thực hiện hợp đồng tương ứng 10% giá hợp</li> </ul>

	<p>đồng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Bảo lãnh tiền tạm ứng được phát hành bởi một tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, theo <i>Mẫu số 19 – Bảo lãnh tiền tạm ứng - Phần 4. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG.</i></li> </ul>
<b>E-ĐKC 14.2</b>	<p>Phương thức thanh toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương thức thanh toán: Bằng hình thức chuyển khoản.</li> <li>- Đồng tiền thanh toán: Thanh toán bằng đồng Việt Nam.</li> <li>- Tiền độ thanh toán:</li> </ul> <p><b>+ Đợt 1:</b> Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 30% giá hợp đồng (sau khi đã khấu trừ số tiền đã tạm ứng) trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Nhà thầu cung cấp đầy đủ những giấy tờ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Biên bản bàn giao hàng hóa tổng thể.</li> <li>○ Hóa đơn giá trị gia tăng 100% giá hợp đồng.</li> <li>○ Biên bản nghiệm thu vật tư, thiết bị công nghệ thông tin.</li> <li>○ Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) cho các thiết bị nhập khẩu (Bản gốc hoặc bản sao chứng thực hợp pháp).</li> <li>○ Giấy chứng nhận chất lượng (CQ) cho các thiết bị và phần mềm (Bản gốc của chính hãng sản xuất hoặc bản sao được đóng dấu treo của nhà phân phối và kèm tài liệu chứng minh là nhà phân phối của hãng sản xuất (bản gốc hoặc bản sao chứng thực hợp pháp) trong trường hợp Hãng không có đại diện tại Việt Nam).</li> <li>○ Cam kết bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật của hãng sản xuất cho các thiết bị (Bản gốc của chính hãng sản xuất hoặc bản sao được đóng dấu treo của nhà phân phối).</li> <li>○ Cam kết bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật của Nhà thầu cho các thiết bị.</li> <li>○ Giấy đề nghị thanh toán đợt 1 của Nhà thầu.</li> <li>○ Bảo lãnh bảo hành tương ứng 5% giá hợp đồng.</li> </ul> <p><b>+ Đợt 2:</b> Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 70% giá hợp đồng còn lại trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày Nhà thầu cung cấp đủ bản gốc của các giấy tờ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Biên bản thanh lý hợp đồng.</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>○ Biên bản tổng nghiệm thu bàn giao toàn bộ sản phẩm của dự án.</li> <li>○ Biên bản bàn giao và nghiệm thu tài liệu.</li> <li>○ Giấy đề nghị thanh toán đợt 2 của Nhà thầu.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 15.2</b>	Quyền: Không quy định.
<b>E-ĐKC 18.2</b>	Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng: Nhà thầu chịu trách nhiệm đóng gói hàng hóa vận chuyển tới địa điểm của Chủ đầu tư theo quy định trong Hợp đồng sao cho hàng hóa bàn giao đáp ứng các yêu cầu kiểm tra bàn giao theo quy định.
<b>E-ĐKC 19</b>	Nội dung bảo hiểm: Mọi chi phí bảo hiểm hàng hóa tới khi giao hàng tại địa điểm của Chủ đầu tư theo quy định trong Hợp đồng do nhà thầu chịu trách nhiệm.
<b>E-ĐKC 20.1</b>	Trách nhiệm vận chuyển hàng hóa được thực hiện như sau: Theo hợp đồng, Nhà thầu phải vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án, bao gồm cả bảo hiểm và lưu kho theo quy định trong hợp đồng, do Nhà thầu thực hiện; các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng.
<b>E-ĐKC 20.2</b>	Các dịch vụ bao gồm: Lắp đặt, cài đặt trang thiết bị, cài đặt phần mềm; kiểm tra, hiệu chỉnh thiết bị và phần mềm; đào tạo hướng dẫn sử dụng; đào tạo cán bộ quản trị, vận hành hệ thống
<b>E-ĐKC 21.1</b>	Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa: được thực hiện theo kịch bản nghiệm thu vật tư, thiết bị công nghệ thông tin và kịch bản nghiệm thu vận hành thử thiết bị công nghệ thông tin
<b>E-ĐKC 21.2</b>	Việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được thực hiện tại: Trung tâm dữ liệu của Tập đoàn Bảo Việt: Số 11 Duy Tân, Phường Cầu Giấy, TP. Hà Nội.
<b>E-ĐKC 22</b>	<p>1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng.</p> <p>Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 26 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với: 2%/tuần cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 8%. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 29 E-ĐKC.</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng</p>

	<p>Khi Nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo đúng cam kết trong hợp đồng sẽ phải bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư với giá trị bồi thường thiệt hại bao gồm giá trị tổn thất thực tế, trực tiếp mà chủ đầu tư phải chịu do Nhà thầu gây ra và khoản lợi trực tiếp mà phía chủ đầu tư đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi vi phạm. Tất cả các vi phạm này Chủ đầu tư phải có bằng chứng để chứng minh sự vi phạm và các chứng từ hợp lý hợp lệ chứng minh các thiệt hại cũng như các khoản lợi trực tiếp mà phía chủ đầu tư đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi vi phạm. Tổng giá trị bồi thường không vượt quá giá trị của Hợp đồng này.</p>
<p><b>E-ĐKC 23.3</b></p>	<p>Thời hạn bảo hành là: Theo quy định tại Chương V của E-HSMT.</p> <p>Địa điểm để áp dụng bảo hành là: Trung tâm dữ liệu của Tập đoàn Bảo Việt: Số 11 Duy Tân, Phường Cầu Giấy, TP. Hà Nội.</p> <p>Bảo lãnh bảo hành được quy định cụ thể tại Chương V của E-HSMT.</p>
<p><b>E-ĐKC 23.5</b> <b>E-ĐKC 23.6</b></p>	<p>Thời hạn sửa chữa, thay thế là: Theo quy định tại Điểm 2.6.1, Khoản 2, Mục 1, Chương V của E-HSMT</p>
<p><b>E-ĐKC 27.7</b> <b>(d)</b></p>	<p>Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.</p>

## **Phần 4. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

## Mẫu số 16 (Webform trên Hệ thống)

### THƯ CHẤP THUẬN E-HSĐT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG<sup>(1)</sup>

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất tên Nhà thầu trúng thầu*] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất tên chủ đầu tư*] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu*], Chủ đầu tư thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu \_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần thì Hệ thống trích xuất tên, số hiệu của phần mà nhà thầu được công nhận trúng thầu*] với giá hợp đồng là \_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*] với thời gian thực hiện gói thầu là \_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất thông tin trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

*Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:*

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: \_\_\_\_ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*];
- Địa chỉ phương tiện điện tử: \_\_\_\_ [*ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có)...*];
- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có) thực hiện trên Hệ thống.

*Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:*

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: \_\_\_\_ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*], tại địa điểm<sup>(2)</sup> \_\_\_\_ [*ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng*].

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 18 Phần 4 của E-HSMT với số tiền \_\_\_\_ và thời gian hiệu lực \_\_\_\_ [*ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT*].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày\_\_ tháng\_\_ năm\_\_<sup>(3)</sup> mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

*Ghi chú:*

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

(3) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.

**HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ<sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Hợp đồng số: \_\_\_\_\_ [*Chủ đầu tư/đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*]

Gói thầu: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]

Thuộc dự án: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]

- Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_ (*Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];

- Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_ (*Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15)*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];

- Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu \_\_\_\_ [*ghi tên gói thầu*] và Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của Chủ đầu tư; [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu ký ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_; [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]

- Các căn cứ khác (nếu có). [*Hệ thống để trường ký tự để Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền và nhà thầu tự kê khai*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

*Đối với trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu:*

**Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)**

Tên Chủ đầu tư: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Địa chỉ: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

<sup>(1)</sup> Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với E-ĐKCT.

<sup>(2)</sup> Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Tài khoản: \_\_\_\_; [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

Mã số thuế: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Đối với trường hợp Chủ đầu tư ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng:

**Chủ đầu tư**

Tên Chủ đầu tư: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: \_\_\_\_; [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

Mã số thuế: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

**Đơn vị được ủy quyền (sau đây gọi là Bên A)**

Tên Đơn vị được ủy quyền: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: \_\_\_\_; [Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin]

Mã số thuế: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (trường hợp được ủy quyền) [Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin].

**Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_ [Chủ đầu tư kê khai]

Địa chỉ: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

### **Điều 1. Đối tượng hợp đồng**

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

### **Điều 2. Thành phần hợp đồng**

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;
2. E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
4. E-ĐKC của hợp đồng;
5. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
6. Thư chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng;
7. E-HSĐT và các văn bản làm rõ E-HSĐT (nếu có) của Nhà thầu;
8. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);
9. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.

### **Điều 3. Trách nhiệm của Bên A**

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

### **Điều 4. Trách nhiệm của Bên B**

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

## **Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán**

1. Giá hợp đồng: *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng].*

a) *Giá hợp đồng đối với hợp đồng trọn gói:*

b) *Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá cố định:*

- *Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);*

- *Giá trị thuế*

- *Dự phòng.*

c) *Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:*

- *Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);*

- *Giá trị thuế*

- *Dự phòng: trong đó nêu rõ giá trị trượt giá tạm tính trên cơ sở dự kiến trượt giá và quy định pháp luật về quản lý chi phí .*

2. Phương thức thanh toán: \_\_\_\_ *[Hệ thống trích xuất phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 14.2 E-ĐKCT].*

## **Điều 6. Loại hợp đồng**

Loại hợp đồng: *[Hệ thống trích xuất loại hợp đồng theo E-ĐKCT].*

**Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng:** \_\_\_\_ *[Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 9 E-ĐKC, E-HSĐT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].*

## **Điều 8. Hiệu lực hợp đồng**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ \_\_\_\_ *[Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về ngày có hiệu lực của hợp đồng].*

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA**

**NHÀ THẦU**

*[xác nhận, chữ ký số]*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA**

**CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY  
QUYỀN**

*[xác nhận, chữ ký số]*

## PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số \_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_)

*Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá dự thầu của Nhà thầu theo các Mẫu bảng giá dự thầu tương ứng quy định tại E-HSMT và các thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc.*

**HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ<sup>(1)</sup>**

*(áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa là  
mua sắm tập trung theo thỏa thuận khung)*

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Hợp đồng số: \_\_\_\_\_ [*Đơn vị có nhu cầu mua sắm/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*]

Gói thầu: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]

Thuộc dự án: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]

- Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_ (*Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];

- Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_ (*Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15)*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];

- Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu \_\_\_\_ [*ghi tên gói thầu*]; [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]

- Căn cứ Thỏa thuận khung số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ giữa đơn vị mua sắm tập trung: \_\_\_\_\_ [*ghi tên đơn vị mua sắm tập trung*] và nhà thầu cung cấp hàng hóa: \_\_\_\_\_ [*ghi tên nhà thầu cung cấp hàng hóa*]; [*Hệ thống trích xuất thông tin sau khi đơn vị có nhu cầu mua sắm nhập đúng thông tin về số, ngày tháng của thỏa thuận khung*]

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu ký ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_; [*Chủ đầu tư kê khai thông tin nếu có*]

- Các căn cứ khác (nếu có). [*Hệ thống để trường ký tự để Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền và nhà thầu tự kê khai*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

*Đối với trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu:*

<sup>(1)</sup> Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với E-ĐKCT.

<sup>(2)</sup> Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

**Đơn vị có nhu cầu mua sắm (sau đây gọi là Bên A)**

Tên đơn vị có nhu cầu mua sắm: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: \_\_\_\_; [Chủ đầu tư/ Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin]

Mã số thuế: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

*Đối với trường hợp Đơn vị có nhu cầu mua sắm ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng:*

**Đơn vị có nhu cầu mua sắm**

Tên Đơn vị có nhu cầu mua sắm: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: \_\_\_\_; [Đơn vị có nhu cầu mua sắm kê khai thông tin]

Mã số thuế: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

**Đơn vị được ủy quyền (sau đây gọi là Bên A)**

Tên Đơn vị được ủy quyền: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: \_\_\_\_; [Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin]

Mã số thuế: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_ (trường hợp được ủy quyền) [Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin].

**Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_ [Đơn vị có nhu cầu mua sắm/đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin]

Địa chỉ: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

**Điều 1. Đối tượng hợp đồng**

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

**Điều 2. Thành phần hợp đồng**

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;
2. Thỏa thuận khung;
3. E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
4. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
5. E-ĐKC của hợp đồng;
6. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
7. Thư chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng;
8. E-HSĐT và các văn bản làm rõ E-HSĐT (nếu có) của Nhà thầu;
9. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (nếu có);

10. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.

### **Điều 3. Trách nhiệm của Bên A**

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

### **Điều 4. Trách nhiệm của Bên B**

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

### **Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán**

1. Giá hợp đồng: *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng].*

a) *Giá hợp đồng đối với hợp đồng trọn gói:*

b) *Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá cố định:*

- *Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);*

- *Giá trị thuế*

- *Dự phòng.*

c) *Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:*

- *Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);*

- *Giá trị thuế*

- *Dự phòng: trong đó nêu rõ giá trị trượt giá tạm tính trên cơ sở dự kiến trượt giá và quy định pháp luật về quản lý chi phí .*

2. Phương thức thanh toán: \_\_\_\_\_ *[Hệ thống trích xuất phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 14.2 E-ĐKCT của thỏa thuận khung].*

### **Điều 6. Loại hợp đồng**

Loại hợp đồng: *[Hệ thống trích xuất loại hợp đồng theo E-ĐKCT của thỏa thuận khung].*

**Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng:** \_\_\_\_\_ *[Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 9 E-ĐKC, E-HSĐT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].*

### **Điều 8. Hiệu lực hợp đồng**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ \_\_\_\_\_ *[Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai*

*thông tin về ngày có hiệu lực của hợp đồng].*

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA**

**NHÀ THẦU**

*[xác nhận, chữ ký số]*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA**

**ĐƠN VỊ CÓ NHU CẦU MUA  
SẮM/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

*[xác nhận, chữ ký số]*

## **PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG**

(Kèm theo hợp đồng số \_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_)

*Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá dự thầu của Nhà thầu theo các Mẫu bảng giá dự thầu tương ứng quy định tại E-HSMT và các thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc.*

**BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

Theo đề nghị của \_\_\_\_ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu \_\_\_\_ [*ghi tên gói thầu*] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa cho gói thầu trên (sau đây gọi là “Hợp đồng”); <sup>(1)</sup>

Theo quy định trong E-HSMT (*hoặc hợp đồng*), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_ [*ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_ [*ghi địa chỉ của ngân hàng*<sup>(2)</sup>] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là \_\_\_\_ [*ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT*]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn \_\_\_\_ [*ghi số tiền bảo lãnh*] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ <sup>(3)</sup>.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của \_\_\_\_ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu trúng thầu gói thầu \_\_\_\_ [*ghi tên gói thầu*] đã ký hợp đồng số \_\_\_\_ [*ghi số hợp đồng*] ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (sau đây gọi là “Hợp đồng”).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT.

**BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG** <sup>(1)</sup>

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)  
[*ghi tên hợp đồng, số hợp đồng*]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, \_\_\_\_ [*ghi tên và địa chỉ của nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng \_\_\_\_ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*] cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_ [*ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_ [*ghi địa chỉ của ngân hàng*<sup>(2)</sup>] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá \_\_\_\_ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 13.1 E-ĐKCT của E-HSMT*].

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_<sup>(3)</sup>.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**  
[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 13.1 E-ĐKCT.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày giao hàng quy định trong hợp đồng. Nếu giao hàng theo từng phần thì có thể quy định bảo lãnh tiền tạm ứng hết hiệu lực khi giá trị hàng hóa được giao và nghiệm thu lớn hơn hoặc bằng số tiền được tạm ứng. Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng.

**GIẤY ỦY QUYỀN <sup>(1)</sup>**

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, tại \_\_\_\_

Tôi là \_\_\_\_ [*ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của \_\_\_\_ [*ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại \_\_\_\_ [*ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho \_\_\_\_ [*ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_ [*ghi tên gói thầu*] thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_\_ [*ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] do \_\_\_\_ [*ghi tên Chủ đầu tư*] tổ chức:

*[- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình đối chiếu tài liệu,*

*- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp.]<sup>(2)</sup>*

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của \_\_\_\_ [*ghi tên nhà thầu*]. \_\_\_\_ [*ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do \_\_\_\_ [*ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_<sup>(3)</sup>. Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, người được ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, Chủ đầu tư giữ \_\_\_\_ bản.

**Người được ủy quyền**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và  
đóng dấu (nếu có)]*

**Người ủy quyền**

*[ghi tên người đại diện theo pháp luật  
của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng  
dấu (nếu có)]*

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư khi đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử

dùng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng và phải bảo đảm ngày có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.